

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HS-ST
Ngày 15-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hùng;

Ông Huỳnh Trung Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

- Nguyễn Văn Tấn M, sinh năm 1975; tên gọi khác: Nguyên; nơi sinh: Tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp P, thị trấn c, huyện p tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo hòa hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1934 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1942 (chết); có vợ Hà Thị T, sinh năm 1968 và có 01 người con sinh năm 2001; nhân thân: Ngày 04/7/2008 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang xử phạt 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (chấp hành xong tháng 10/2011); tiền án: Ngày 12/7/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã H xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (chấp hành xong ngày 26/8/2014) chưa được xóa án tích mà đến tháng 11/2015 tiếp tục thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 08/01/2016 bị Tòa án nhân dân huyện huyện H, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong tháng 30/7/2018); tiền sự: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: Ngày 18/8/2018.

Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T và có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Châu Hoàng Q, sinh năm 1992 (*có đơn xin vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Châu Thành S, sinh năm 1962 (*có mặt*)

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người làm chứng:**

Lê Văn K, sinh năm 1962 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/4/2015 bị cáo M có hành vi trộm cắp tài sản là xe mô tô của ông Trịnh Văn Đ tại huyện H, trị giá 3.200.000đồng, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp bị cáo Miên bỏ trốn.

Trong quá trình bỏ trốn, vào khoảng tháng 11 năm 2015 (bị hại và bị cáo M đều không nhớ rõ ngày nào), Nguyễn Văn Tấn M đến nhà bác dậu tên C nhà ở ấp P, xã A, huyện T để thăm mộ bác ruột tên Nguyễn Văn N. Tại đây, M gặp Châu Hoàn Q, Trần Văn H và một số người khác đang uống rượu. Lúc này H và Q kêu M vào nhậu chung, trong lúc nhậu thì M thấy hết thức ăn nên nói đi mua về uống rượu tiếp, M hỏi mượn chiếc xe mô tô Wave anpha biển kiểm soát số 66N1 – 144.61 của Q, Q đồng ý và nói chìa khoá gắn trên xe. Sau khi nhận được xe, bị cáo M nhớ lại hết tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe, nên M điều khiển xe chạy ra quốc lộ 30 đi huyện T, tỉnh An Giang và sang biên giới cầm cho một người phụ nữ không biết rõ họ tên, quốc tịch với giá 3.000.000đồng, số tiền trên M dùng để tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 30/11/2015 M đầu thú về hành vi trộm cắp tại huyện H, trong quá trình điều tra bị cáo M không khai báo vụ việc chiếm đoạt xe mô tô của Q. Ngày 08/01/2016 M bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 30/7/2018.

Ngày 13/8/2018 bị cáo M đến xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp thì ông Châu Thành S là cha bị hại Q phát hiện trình báo Cơ quan công an.

Riêng xe mô tô Wave Alpha biển kiểm soát số 66N1 – 144.61, do ông Châu Thành S mua và đứng tên sở hữu, ông S giao cho Q sử dụng và quản lý.

Sau khi chiếm đoạt xe mô tô của Q, M cầm cho người phụ nữ không rõ nhân thân, lai lịch nên không thu hồi được xe.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 18/BKLDG ngày 17/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tam Nông kết luận: 01 xe mô tô, biển số 66N1-144.61, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave alpha, màu sơn: đen – bạc, số máy HC12E5314674, số khung 1211DY 314561, dung tích xi lanh 97 cm³, tài sản đã qua sử dụng có giá trị là 9.300.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 25/CT-VKS-TN ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Tấn M “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Tấn M: Khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” nêu trên như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, bị hại Châu Hoàn Q có đơn xin xét xử vắng ngày 05/11/2018 và có ý kiến trình bày: Đối với chiếc xe mô tô do bị cáo M chiếm đoạt của Q, chiếc xe này Q mượn của cha là ông Sơm sử dụng đi chơi. Sau đó Q cho bị cáo M mượn đi mua đồ nhưng bị cáo đã chiếm đoạt luôn chiếc xe và hiện nay đã bán không thu hồi được. Nay anh Q giao toàn quyền quyết định có yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe hay không cho cha của Q là ông S quyết định, vì chiếc xe thuộc sở hữu của ông S, anh Q không có ý kiến.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Thành S trình bày: Đối với chiếc xe mô tô, biển số 66N1-144.61 do ông S đứng tên và thuộc quyền sở hữu của ông nhưng trong thời gian ông đi trị bệnh nên giao xe lại cho con là Q quản lý sử dụng. Sau đó bị cáo M chiếm đoạt đã bán công an không thu hồi được.

Nay, ông S không yêu cầu Q phải bồi thường giá trị chiếc xe bị mất cho ông và ông cũng có bàn với gia đình là bị cáo cũng có quan hệ bà con và cũng không có khả năng bồi thường nên thống nhất không yêu cầu bị cáo M phải bồi thường giá trị chiếc xe bị mất cho ông theo thỏa thuận tại cơ quan điều tra và xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Hành vi của bị cáo đã vi phạm điểm đ khoản 2 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) khung hình phạt phạt tù từ hai năm đến bảy năm so với điểm g khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm là bằng nhau.

Vì vậy, áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt cũng không bất lợi cho bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Tấn M mức án từ 03 năm đến 04 năm tù, về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

- Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa ông Châu Thành S chủ sở hữu xe không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội*: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Bản kết luận định giá tài sản ngày 17/8/2018 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện T; Lời khai của bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và những tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Ngoài ra, bị cáo còn bị xét xử về các tội cụ thể: Ngày 04/7/2008 Toà án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang xử phạt 04 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (chấp hành xong tháng 10/2011) và ngày 12/7/2012 Toà án nhân dân thị xã Hồng Ngự xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội

“Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (chấp hành xong ngày 26/8/2014) chưa được xóa án tích mà đến tháng 11/2015 tiếp tục thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” nên đây thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Đến ngày 08/01/2016 Toà án nhân dân huyện huyện H, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong tháng 30/7/2018).

Tại thời điểm bị cáo phạm tội theo điểm đ khoản 2 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) cụ thể như sau:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

a).....;

đ) Tái phạm nguy hiểm.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo điểm g khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định như sau:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

a).....;

g) Tái phạm nguy hiểm.

Ngoài ra, theo khoản 3, 4 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) so với khoản 3, 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có mức hình phạt cao hơn.

Như vậy, cần áp dụng mức hình phạt có lợi cho bị cáo theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt không bất lợi cho bị cáo là phù hợp.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:*

Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật đều sẽ bị trừng trị. Bản thân bị cáo có khả năng nhận thức được điều này nhưng vì muốn có tiền sinh hoạt chi tiêu cá nhân mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân mình. Qua đó thấy được ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tại phiên tòa chủ sở hữu tài sản xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên xem xét tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, tình hình tội phạm về “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và hậu quả gây mất an ninh trật tự xã hội hiện nay. Hành vi của bị cáo cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và có tác dụng giáo dục phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa ông Châu Thành S chủ sở hữu tài sản tự nguyện không yêu cầu Q phải bồi thường chiếc xe bị mất và cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe bị mất và bị hại Q trong vụ án không có ý kiến khác với ông S nên không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Tấn M phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tấn M 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam là ngày 18 tháng 8 năm 2018.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn Tấn M phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Án xử công khai có mặt bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; vắng mặt bị hại. Báo cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****(Đã ký)****Hứa Quang Thông**